

BÀI 22

MEDICAL ENGLISH FOR CLINICAL PRACTICE & RESEARCH

Abdominal Distension History Taking

Khai thác bệnh sử chướng bụng trong thực hành lâm sàng

Đơn vị tổ chức: CLB Bóng đá PCC FC

Định hướng: Thiết yếu thực hành – chuẩn học thuật – ứng dụng nghiên cứu

Trình độ mục tiêu: IELTS 8.0 trong bối cảnh tiếng Anh y khoa

1. Định vị bài học

Bài 22 không chỉ dạy học viên cách hỏi:

“Anh/chị có chướng bụng không?”

mà hướng tới năng lực cao hơn:

Hỏi đúng – hỏi lịch sự – hỏi có ý nghĩa lâm sàng – ghi chép được bệnh án – trình bày được ca bệnh – hình thành tư duy nghiên cứu từ một hội thoại khám bệnh.

Chủ đề trung tâm của bài là khai thác các triệu chứng liên quan đến:

Abdominal distension – chướng bụng

Urinary output – lượng nước tiểu

Bowel movements – đại tiện

Passing stool – đi ngoài

Passing gas / flatus – trung tiện

Gastrointestinal motility – nhu động tiêu hóa

Possible bowel obstruction – khả năng tắc ruột

Urinary retention / oliguria – bí tiểu / thiếu niệu

2. Mục tiêu bài học theo chuẩn IELTS 8.0

Sau bài học, học viên có thể đạt 5 năng lực chính:

2.1. Clinical Communication

Học viên có thể khai thác bệnh sử chướng bụng bằng tiếng Anh với phong cách lịch sự, chính xác và phù hợp với tình huống khám bệnh.

Ví dụ:

Were you able to pass urine normally?

thay vì:

Can you pee?

What about bowel movements?

thay vì:

Did you poop?

Are you passing gas?

thay vì:

Did you fart?

2.2. Grammar Appropriateness

Học viên hiểu rằng trong tiếng Anh y khoa:

Đúng ngữ pháp chưa đủ.

Câu hỏi còn phải đúng bối cảnh, đúng mức độ lịch sự và đúng mục tiêu lâm sàng.

Một câu hỏi tốt cần đạt 4 tiêu chuẩn:

Grammatically correct – đúng ngữ pháp

Clinically meaningful – có ý nghĩa lâm sàng

Professionally appropriate – phù hợp chuyên nghiệp

Emotionally considerate – tôn trọng cảm xúc bệnh nhân

2.3. Medical Vocabulary

Học viên sử dụng được từ vựng y khoa liên quan đến hệ tiêu hóa – tiết niệu trong bối cảnh khai thác bệnh sử.

2.4. Case Presentation

Học viên có thể chuyển hội thoại khám bệnh thành đoạn trình bày ca bệnh ngắn bằng tiếng Anh học thuật.

2.5. Research Thinking

Học viên nhận diện được một chủ đề nghiên cứu giáo dục y khoa:

Sự phù hợp giữa cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh và mức độ nhạy cảm của tình huống khám bệnh.

3. Tình huống lâm sàng mở đầu

Một bệnh nhân vào viện vì **acute abdominal pain**. Sau vài giờ, bệnh nhân xuất hiện bụng chướng tăng dần, tiểu ít, khó đại tiện nhưng vẫn còn trung tiện được.

Trong thực hành lâm sàng, đây không phải là các câu hỏi phụ. Đây là những câu hỏi có thể định hướng những tình trạng quan trọng như:

Bowel obstruction – tắc ruột

Ileus – liệt ruột

Urinary retention – bí tiểu

Oliguria – thiếu niệu

Dehydration – mất nước

Early shock – sốc giai đoạn sớm

Acute abdomen – cấp cứu ổ bụng

4. Hội thoại trung tâm

Clinical Dialogue

Doctor:

Did you notice any abdominal swelling?

Patient:

Yes. My abdomen became more and more distended about three hours after the pain started.

Doctor:

Were you able to pass urine normally?

Patient:

No. I passed very little urine.

Doctor:

What about bowel movements or passing gas?

Patient:

I couldn't pass stool or urine properly at first, but I could still pass some gas.

5. Dịch nghĩa hội thoại

Bác sĩ:

Anh/chị có nhận thấy bụng bị chướng lên không?

Bệnh nhân:

Có. Bụng tôi ngày càng chướng lên khoảng ba giờ sau khi bắt đầu đau.

Bác sĩ:

Anh/chị có đi tiểu bình thường được không?

Bệnh nhân:

Không. Tôi đi tiểu rất ít.

Bác sĩ:

Còn đại tiện hoặc trung tiện thì sao?

Bệnh nhân:

Lúc đầu tôi không đi ngoài hoặc đi tiểu được bình thường, nhưng tôi vẫn còn trung tiện được một chút.

6. Từ vựng trọng tâm theo chuẩn học thuật

Từ/cụm từ	Từ loại	Nghĩa	Ghi chú lâm sàng
abdomen	noun	bụng	Từ y khoa hơn “belly”
abdominal	adjective	thuộc về bụng	Dùng trong “abdominal pain/swelling”
swelling	noun	sung, chướng	Triệu chứng bệnh nhân nhận thấy
abdominal distension	noun phrase	chướng bụng	Thuật ngữ lâm sàng chuẩn
distended	adjective	căng, chướng	Mô tả bụng bị căng lên
pass urine	verb phrase	đi tiểu	Lịch sự hơn “pee”
urinary output	noun phrase	lượng nước tiểu	Dùng trong bệnh án/nghiên cứu
pass stool	verb phrase	đại tiện	Lịch sự hơn “poop”
bowel movement	noun phrase	đại tiện	Cách hỏi chuyên nghiệp
pass gas	verb phrase	trung tiện	Lịch sự hơn “fart”
flatus	noun	hơi trung tiện	Thuật ngữ y khoa hơn

Từ/cụm từ	Từ loại	Nghĩa	Ghi chú lâm sàng
oliguria	noun	thiếu niệu	Lượng nước tiểu giảm
urinary retention	noun phrase	bí tiểu	Không đi tiểu được dù có cảm giác buồn tiểu
bowel obstruction	noun phrase	tắc ruột	Chẩn đoán cần nghĩ tới
gastrointestinal motility	noun phrase	nhu động tiêu hóa	Khái niệm học thuật
properly	adverb	đúng cách, bình thường	Hữu ích trong hỏi chức năng sinh lý
progressively	adverb	tăng dần	Dùng tốt trong trình bày ca bệnh
onset	noun	thời điểm khởi phát	Rất quan trọng trong bệnh sử
approximately	adverb	xấp xỉ, khoảng	Học thuật hơn “about”

7. Ngữ pháp trọng tâm

7.1. Did you notice...?

Cấu trúc:

Did you notice + any + noun/noun phrase?

Dùng để hỏi bệnh nhân có nhận thấy một triệu chứng hoặc thay đổi bất thường nào không.

Ví dụ:

Did you notice any abdominal swelling?

Anh/chị có nhận thấy bụng bị chướng không?

Did you notice any change in your bowel movements?

Anh/chị có nhận thấy thay đổi gì trong việc đại tiện không?

Did you notice any blood in your stool?

Anh/chị có thấy máu trong phân không?

Giá trị lâm sàng:

Cấu trúc này không áp đặt chẩn đoán. Bác sĩ không nói ngay “You have abdominal distension”, mà hỏi bệnh nhân về cảm nhận của họ.

7.2. Were you able to...?

Cấu trúc:

Were you able to + verb?

Dùng để hỏi về khả năng thực hiện một chức năng sinh lý trong quá khứ.

Ví dụ:

Were you able to pass urine normally?

Anh/chị có đi tiểu bình thường được không?

Were you able to pass stool?

Anh/chị có đi ngoài được không?

Were you able to eat or drink anything?

Anh/chị có ăn uống được gì không?

Điểm nâng cao IELTS 8.0:

Were you able to...? khác với Did you...?

Did you pass urine?

Hỏi hành động có xảy ra hay không.

Were you able to pass urine normally?

Hỏi khả năng thực hiện chức năng sinh lý một cách bình thường.

Trong lâm sàng, câu thứ hai có giá trị hơn vì bệnh nhân có thể:

có đi tiểu nhưng rất ít,
muốn đi tiểu nhưng không đi được,
đi tiểu khó,
hoặc không có nước tiểu do giảm tưới máu thận.

7.3. What about...?

Cấu trúc:

What about + noun/noun phrase?

Dùng để chuyển chủ đề mềm mại, đặc biệt khi hỏi về triệu chứng nhạy cảm.

Ví dụ:

What about bowel movements?

Còn đại tiện thì sao?

What about passing gas?

Còn trung tiện thì sao?

What about nausea or vomiting?

Còn buồn nôn hoặc nôn thì sao?

Giá trị giao tiếp:

Cấu trúc này giúp bác sĩ chuyển sang câu hỏi nhạy cảm mà không làm bệnh nhân ngại.

7.4. Could / couldn't

Dùng để mô tả khả năng trong quá khứ.

Ví dụ:

I couldn't pass stool.

Tôi không đi ngoài được.

I couldn't pass urine properly.

Tôi không đi tiểu được bình thường.

I could still pass some gas.

Tôi vẫn còn trung tiện được một chút.

Điểm ngữ pháp nâng cao:

Could still nhấn mạnh rằng chức năng chưa mất hoàn toàn.

Trong lâm sàng, câu:

I could still pass some gas

có thể gợi ý rằng tình trạng tắc ruột nếu có, có thể chưa hoàn toàn hoặc đang ở giai đoạn sớm.

8. Từ tiếng Anh đời thường sang tiếng Anh y khoa

Cách hỏi đời thường	Vấn đề	Cách hỏi y khoa phù hợp hơn
Can you pee?	Quá đời thường	Were you able to pass urine normally?
Did you poop?	Thiếu chuyên nghiệp	What about bowel movements?
Did you fart?	Dễ gây ngại	Are you passing gas?
Can you shit?	Không phù hợp	Are you able to pass stool?
Is your belly big?	Thiếu chính xác	Are you experiencing abdominal swelling?
Is your belly swollen?	Chấp nhận được nhưng chưa học thuật	Is your abdomen feeling distended?

Thông điệp cho học viên:

A sentence may be grammatically correct but clinically inappropriate.

Một câu có thể đúng ngữ pháp nhưng chưa phù hợp trong khám bệnh.

9. Chủ đề nghiên cứu minh họa trong bài học

Tên chủ đề

Sự phù hợp giữa cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh và mức độ nhạy cảm của tình huống khám bệnh

Tên tiếng Anh

Grammar Appropriateness in Clinical English: Matching Question Structures with Sensitive Medical History-Taking Situations

Câu hỏi nghiên cứu

How do different English question structures affect perceived politeness, professionalism, and clinical appropriateness in sensitive history-taking situations?

Dịch:

Các cấu trúc câu hỏi tiếng Anh khác nhau ảnh hưởng như thế nào đến mức độ lịch sự, tính chuyên nghiệp và sự phù hợp lâm sàng trong những tình huống khai thác bệnh sử nhạy cảm?

Giả thuyết nghiên cứu

Những câu hỏi sử dụng cấu trúc lịch sự, gián tiếp và y khoa hơn, ví dụ:

Were you able to pass urine normally?

What about bowel movements?

Are you passing gas?

sẽ được đánh giá cao hơn về:

Politeness – tính lịch sự

Professionalism – tính chuyên nghiệp

Clinical appropriateness – sự phù hợp lâm sàng

Patient comfort – mức độ dễ chịu của bệnh nhân

so với các câu hỏi quá trực tiếp như:

Can you pee?

Did you poop?

Did you fart?

10. Mô hình 3 tầng: từ đúng ngữ pháp đến phù hợp lâm sàng

Tầng 1: Grammatically correct

Câu đúng ngữ pháp nhưng có thể chưa phù hợp.

Ví dụ:

Did you pee?

Did you poop?

Did you fart?

Tầng 2: Clinically meaningful

Câu có ý nghĩa lâm sàng rõ hơn.

Ví dụ:

Did you pass urine?

Did you pass stool?

Are you passing gas?

Tầng 3: Professionally appropriate

Câu phù hợp nhất trong giao tiếp bác sĩ – bệnh nhân.

Ví dụ:

Were you able to pass urine normally?

What about bowel movements?

Are you passing gas?

Did you notice any abdominal swelling?

11. Ý nghĩa lâm sàng của hội thoại

11.1. Abdominal distension

My abdomen became more and more distended.

Câu này cho thấy chướng bụng có tính chất tiến triển. Trong lâm sàng, chướng bụng tăng dần sau đau bụng có thể gợi ý:

tắc ruột,

liệt ruột,

viêm phúc mạc,

xuất huyết hoặc dịch trong ổ bụng,

rối loạn nhu động tiêu hóa.

11.2. Very little urine

I passed very little urine.

Câu này có thể gợi ý:

mất nước,

giảm tưới máu thận,

sốc giai đoạn sớm,

suy thận cấp,

bí tiểu,

tắc nghẽn đường tiết niệu.

Cần hỏi thêm:

When did you last pass urine?

Lần cuối anh/chị đi tiểu là khi nào?

Did you feel the urge to urinate but could not?

Anh/chị có buồn tiểu nhưng không đi được không?

Was there any pain or burning when you passed urine?

Khi đi tiểu có đau hoặc buốt không?

11.3. Difficulty passing stool

I couldn't pass stool properly.

Câu này gợi ý rối loạn chức năng đại tiện.

Cần hỏi thêm:

When was your last bowel movement?

Lần đại tiện gần nhất là khi nào?

Was your stool normal in color and consistency?

Phân có màu sắc và độ đặc bình thường không?

Did you notice any blood or mucus in your stool?

Anh/chị có thấy máu hoặc nhầy trong phân không?

11.4. Still passing gas

I could still pass some gas.

Đây là chi tiết quan trọng.

Không trung tiện có thể gợi ý tắc ruột rõ hơn.

Vẫn còn trung tiện có thể gợi ý tắc chưa hoàn toàn hoặc rối loạn giai đoạn sớm.

Cần hỏi thêm:

When was the last time you passed gas?

Lần cuối anh/chị trung tiện là khi nào?

Have you stopped passing gas completely?

Anh/chị có hoàn toàn không trung tiện được nữa không?

12. Mẫu ghi chép bệnh án chuẩn IELTS 8.0

Basic version

The patient reported abdominal distension, which started about three hours after the onset of abdominal pain. He passed very little urine and had difficulty passing stool, but he could still pass some gas.

IELTS 8.0 / Academic clinical version

The patient reported progressive abdominal distension, which developed approximately three hours after the onset of abdominal pain. He was unable to pass urine normally and described markedly reduced urinary output. He also reported difficulty passing stool, although he was still able to pass a small amount of gas.

Dịch:

Bệnh nhân cho biết tình trạng chướng bụng tăng dần, xuất hiện khoảng ba giờ sau khi bắt đầu đau bụng. Bệnh nhân không đi tiểu được bình thường và mô tả lượng nước tiểu giảm rõ rệt. Bệnh nhân cũng cho biết khó đại tiện, mặc dù vẫn còn trung tiện được một lượng nhỏ.

13. Mẫu trình bày ca bệnh chuẩn học thuật

Short case presentation

This patient presented with acute abdominal pain followed by progressive abdominal distension. He reported markedly reduced urinary output and difficulty passing stool, although he was still able to pass some gas. These symptoms may suggest impaired gastrointestinal motility, possible bowel obstruction, dehydration, urinary retention, or early circulatory compromise, depending on the overall clinical context.

Dịch nghĩa

Bệnh nhân này vào viện vì đau bụng cấp, sau đó xuất hiện chướng bụng tăng dần. Bệnh nhân cho biết lượng nước tiểu giảm rõ rệt và khó đại tiện, mặc dù vẫn còn trung tiện được. Những triệu chứng này có thể gợi ý rối loạn nhu động tiêu hóa, khả năng tắc ruột, mất nước, bí tiểu hoặc rối loạn tuần hoàn giai đoạn sớm, tùy thuộc vào bối cảnh lâm sàng tổng thể.

14. Mẫu hỏi bệnh mở rộng theo chuẩn IELTS 8.0

Hỏi về thời điểm khởi phát

When did the abdominal swelling first appear?

Chướng bụng xuất hiện lần đầu khi nào?

Did it develop suddenly or gradually?

Nó xuất hiện đột ngột hay tăng dần?

Did the distension occur before or after the abdominal pain started?

Chướng bụng xuất hiện trước hay sau khi đau bụng?

Hỏi về tiến triển

Has the distension been getting progressively worse?

Tình trạng chướng bụng có ngày càng tăng không?

Has your abdomen become tighter or more uncomfortable over time?

Bụng của anh/chị có ngày càng căng hoặc khó chịu hơn không?

Hỏi về tiểu tiện

Were you able to pass urine normally?

Anh/chị có đi tiểu bình thường được không?

Have you noticed any reduction in the amount of urine?

Anh/chị có nhận thấy lượng nước tiểu giảm không?

Did you feel the urge to urinate but were unable to do so?

Anh/chị có buồn tiểu nhưng không đi được không?

Hỏi về đại tiện

When was your last bowel movement?

Lần đại tiện gần nhất là khi nào?

Were you able to pass stool normally?

Anh/chị có đi ngoài bình thường được không?

Have you noticed any change in stool color or consistency?

Anh/chị có nhận thấy thay đổi về màu sắc hoặc độ đặc của phân không?

Hỏi về trung tiện

Are you still passing gas?

Anh/chị vẫn còn trung tiện được không?

When was the last time you passed gas?

Lần cuối anh/chị trung tiện là khi nào?

Have you stopped passing gas completely?

Anh/chị có hoàn toàn không trung tiện được nữa không?

15. Bài tập trên lớp

Bài tập 1: Nâng cấp câu hỏi

Chuyển câu đời thường sang câu y khoa phù hợp hơn.

1. Can you pee?

→ **Were you able to pass urine normally?**

2. Did you poop?

→ **What about bowel movements?**

3. Did you fart?

→ Are you passing gas?

4. Is your belly big?

→ Are you experiencing abdominal swelling?

5. Can you shit?

→ Are you able to pass stool?

Bài tập 2: Điền từ

1. Did you notice any abdominal _____?

swelling

2. My abdomen became more and more _____.

distended

3. Were you able to pass _____ normally?

urine

4. What about bowel _____?

movements

5. Are you passing _____?

gas

Bài tập 3: Viết lại câu theo phong cách học thuật

Basic:

The patient had a swollen belly.

Academic:

The patient reported progressive abdominal distension.

Basic:

He peed very little.

Academic:

He described markedly reduced urinary output.

Basic:

He could not poop well.

Academic:

He reported difficulty passing stool.

Basic:

He could still fart.

Academic:

He was still able to pass some gas.

16. Bài tập IELTS 8.0 Speaking – Role-play

Candidate A: Doctor

You are a doctor assessing a patient with acute abdominal pain. Ask about:
abdominal swelling,
onset and progression,
urinary output,
bowel movements,
passing gas,
associated symptoms.

Candidate B: Patient

You are a patient with abdominal pain. Use the following information:
Pain started 3 hours ago.
Abdomen became progressively distended.
You passed very little urine.

You could not pass stool properly.

You could still pass some gas.

You feel uncomfortable and worried.

Useful expressions

I see. Could you tell me when it first started?

Were you able to pass urine normally?

What about bowel movements?

Are you still passing gas?

Thank you. These details are very important for us to understand what may be happening.

17. Bài tập IELTS 8.0 Writing – Clinical Summary

Yêu cầu

Viết một đoạn tóm tắt bệnh sử bằng tiếng Anh, 80–100 từ, sử dụng các từ sau:

acute abdominal pain

progressive abdominal distension

reduced urinary output

difficulty passing stool

passing gas

possible bowel obstruction

Bài mẫu

The patient presented with acute abdominal pain followed by progressive abdominal distension. The distension developed approximately three hours after the onset of pain. He reported markedly reduced urinary output and difficulty passing stool, although he was still able to pass a small amount of gas. These symptoms may indicate impaired gastrointestinal motility and raise concern for possible bowel obstruction, urinary retention, dehydration,

or early circulatory compromise. Further clinical examination and appropriate investigations are required to determine the underlying cause.

18. Bài tập tư duy nghiên cứu

Câu hỏi thảo luận

Trong các câu dưới đây, câu nào phù hợp nhất khi hỏi bệnh nhân trong môi trường bệnh viện? Vì sao?

Can you pee?

Did you pass urine?

Were you able to pass urine normally?

Học viên cần phân tích theo 4 tiêu chí:

Grammar – ngữ pháp

Clinical meaning – ý nghĩa lâm sàng

Politeness – lịch sự

Patient comfort – bệnh nhân có dễ trả lời không

19. Mini research project cho lớp học

Tên đề tài

Đánh giá mức độ phù hợp của các cấu trúc câu hỏi tiếng Anh trong khai thác bệnh sử nhạy cảm ở học viên y khoa

Đối tượng

Học viên lớp Tiếng Anh Y khoa do CLB Bóng đá PCC FC tổ chức.

Thiết kế

Nghiên cứu mô tả cắt ngang, sử dụng bảng hỏi tình huống.

Công cụ đánh giá

Học viên chấm điểm các câu hỏi theo thang Likert 1–5:

1 điểm: rất không phù hợp

2 điểm: không phù hợp

3 điểm: trung bình

4 điểm: phù hợp

5 điểm: rất phù hợp

Biến số đánh giá

Tính đúng ngữ pháp

Tính dễ hiểu

Tính lịch sự

Tính chuyên nghiệp

Tính phù hợp lâm sàng

Mức độ giúp bệnh nhân dễ trả lời

Ví dụ bộ câu hỏi đánh giá

Câu hỏi	Grammar	Politeness	Clinical appropriateness	Patient comfort
Can you pee?				
Were you able to pass urine normally?				
Did you poop?				
What about bowel movements?				
Did you fart?				
Are you passing gas?				

20. Thông điệp kết thúc bài học

Một bác sĩ giỏi không chỉ hỏi được bệnh nhân bằng tiếng Anh.

Một bác sĩ giỏi biết chọn đúng cấu trúc câu để bệnh nhân hiểu, tin tưởng và sẵn sàng chia sẻ.

Trong tiếng Anh y khoa:

Grammar is not merely a rule system.

It is a clinical tool.

Ngữ pháp không chỉ là hệ thống quy tắc.

Ngữ pháp là một công cụ lâm sàng.

Good Clinical English must be grammatically accurate, clinically meaningful, emotionally appropriate, and professionally respectful.

Tiếng Anh y khoa tốt phải đúng ngữ pháp, có ý nghĩa lâm sàng, phù hợp cảm xúc và tôn trọng người bệnh.

21. Take-home message

Clinical English is not only about language.

It is about accuracy, empathy, and patient safety.

Tiếng Anh y khoa không chỉ là ngôn ngữ.

Đó là sự chính xác, sự thấu cảm và an toàn người bệnh.

Học tốt tiếng Anh y khoa để thực hành tốt hơn – nghiên cứu tốt hơn – chăm sóc người bệnh tốt hơn – lan tỏa giá trị Khỏe, Vui, Hạnh phúc.